

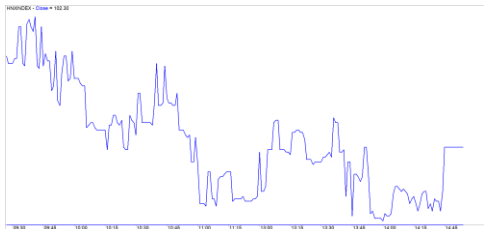
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	965.84	102.30	55.64
% ngày	-0.42%	0.08%	0.16%
% tuần	0.35%	-0.17%	-1.92%
% tháng	0.86%	0.18%	0.36%
% năm	7.82%	0.43%	4.77%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	2,496	277	357
TB 1 tuần	3,804	345	205
TB 1 tháng	4,061	391	235
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	0.00	0.97	17.71
Bán	0.00	4.10	20.73
Giá trị ròng	0.00	-3.13	-3.03
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	112	47	160
Mã Giảm	177	62	87
Không Đổi	101	262	656
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.85	8.96	16.52
Vốn hóa TT	3,319	190	908
(ngàn tỷ)			
LS Cổ tức	2.34%	4.66%	4.23%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau 2 phiên tăng mạnh, Các chỉ số chứng khoán Việt Nam đã chứng lại kết phiên đầu tuần với mức giảm nhẹ. Cụ thể, VN-Index chốt phiên với mức giảm nhẹ 0.28% dừng tại 965.84 điểm. Tương tự, chỉ số HNX-Index tăng nhẹ 0.08% neo tại 102.3 điểm, Upcom-Index cũng tăng nhẹ 0.16%. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường sụt giảm mạnh chỉ đạt mức 2,250 tỷ đồng.

VHM là trụ đỡ chỉ số đáng chú ý nhất khi tăng 2.1% tạm dừng tại 86,300 đồng/cp. Ở chiều ngược lại, nhóm Ngân hàng có sự điều chỉnh nhưng chỉ BID(-2.3%), VPB(-2.1%), CTG(-1.5%) có mức giảm tương đối lớn. VNM bị bán mạnh về cuối phiên khi giảm 1.3% đóng cửa tại 117,400 đồng/cp nhưng vẫn duy trì trong vùng tích lũy 115,000-117,000 đồng/cp.

Tâm lý thận trọng thể hiện ở độ rộng thị trường tiêu cực với VN-Index có 208 mã giảm và 120 mã tăng. Trong đó, nhiều mã Penny tiếp tục bị bán mạnh như DLG(-6.7%), VRC(-6.9%), DIC(-6.8%). Nhóm Bất động sản có diễn biến phân hóa trong phiên hôm nay khi NLG, LDG, DXG tăng giá trong khi SCR, FLC, PDR, TDH... điều chỉnh.

Khối ngoại mua ròng hơn 64 tỷ đồng trong đó HPG(23.6 tỷ), E1VFN30(21.9 tỷ) dẫn đầu danh mua ròng. Ở chiều ngược lại, NLG(23.2 tỷ), CTG(9.2 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn điều chỉnh trong đầu phiên giao dịch kế tiếp và dần hồi phục lại cuối phiên với sự dẫn dắt chính từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Đồng thời, chúng tôi đánh giá nhóm cổ phiếu ngân hàng chỉ đang ở nhịp điều chỉnh ngắn hạn sau đà tăng kéo dài trước đó và rủi ro trên nhóm cổ phiếu này vẫn ở mức thấp cho nên nhóm cổ phiếu này khó có thể điều chỉnh mạnh. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy dòng tiền chưa lan tỏa đều ở các nhóm cổ phiếu khác cho nên chúng tôi vẫn còn e ngại về tính bền vững của xu hướng này.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức hỗ trợ ở mức 951.22 điểm và mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 103.02 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục quan sát thị trường ở những phiên tới. Vị thế mua mới chỉ nên tập trung ở nhóm cổ phiếu Largecaps với tỷ trọng cổ phiếu thấp.

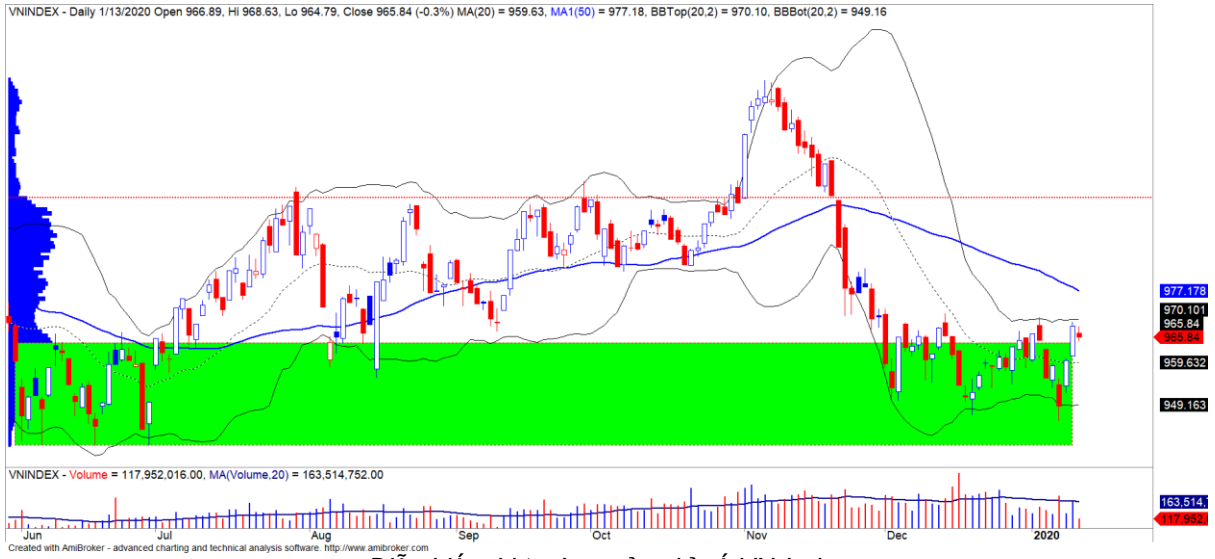
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 34% cổ phiếu/66% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

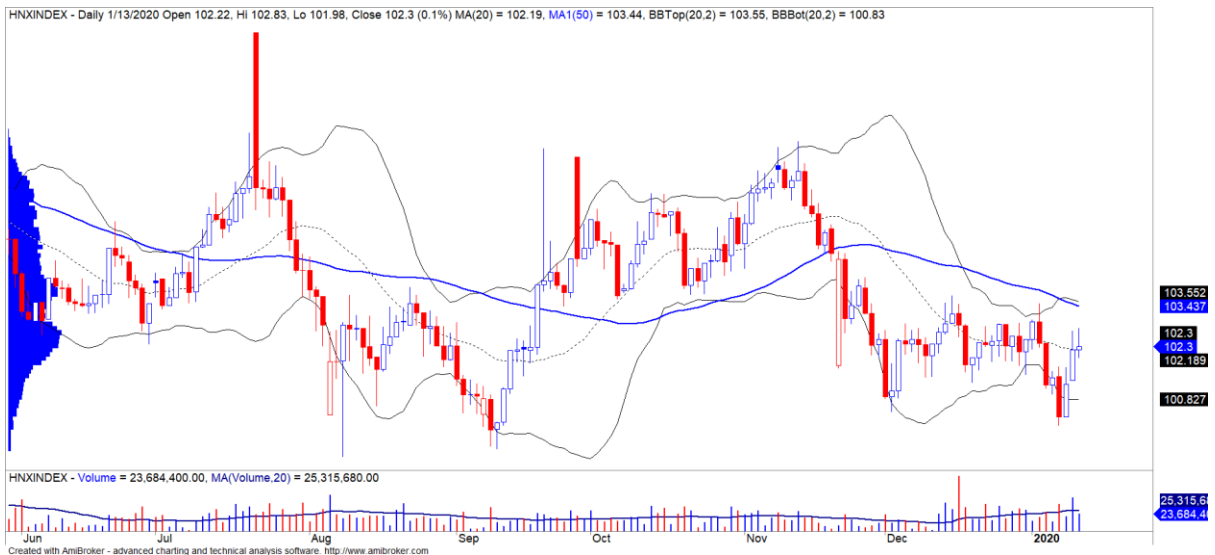


We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.00	GIẢM	GIẢM		12.75				14.25		
ACB	22.90	GIẢM	TĂNG		22.92			24.00	22.57	-4.58%	
ACV	72.00	GIẢM	GIẢM		74.96				78.74		
ANV	21.40	GIẢM	GIẢM	22.80	21.77	-4.54%	BÁN		24.61		
ASM	6.19	GIẢM	GIẢM		6.84				7.24		
BFC	11.45	GIẢM	GIẢM		12.00				13.25		
BID	50.10	TĂNG	TĂNG	41.90	47.96	19.57%		33.40	22.24	50.00%	
BMP	45.00	GIẢM	GIẢM		46.38				50.95		
BSR	7.50	GIẢM	GIẢM		8.34				9.54		
BVH	66.70	GIẢM	GIẢM		69.33				73.44		
BWE	22.40	GIẢM	GIẢM		23.27				24.77		
CEO	8.70	GIẢM	GIẢM		9.33				9.80		
CII	23.75	GIẢM	GIẢM		23.89				24.76		
CMG	34.85	GIẢM	GIẢM		37.17			23.20	34.96	50.68%	
CMX	11.80	GIẢM	GIẢM		13.90				19.34		
CSM	13.80	TĂNG	GIẢM	14.30	13.59	-3.50%			14.75		
CTD	49.70	GIẢM	GIẢM		52.80				63.74		
CTG	23.20	TĂNG	TĂNG	20.60	22.02	12.62%		23.55	21.78	-1.49%	MUA
CTR	40.80	GIẢM	N/A		42.55			-	N/A		
CVT	20.20	GIẢM	GIẢM		20.69				22.66		
DCM	6.00	GIẢM	GIẢM		6.19				7.00		
DGC	24.10	GIẢM	GIẢM		25.14				27.56		
DGW	23.65	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	1.72%			24.94		
DHA	31.65	TĂNG	GIẢM	31.85	29.33	-0.63%			32.52		
DHC	36.90	GIẢM	TĂNG		38.32			37.70	36.02	-2.12%	
DHG	87.10	GIẢM	GIẢM		90.90				98.80		
DIG	12.95	GIẢM	GIẢM		13.89				14.69		
DPG	35.00	GIẢM	GIẢM		39.70				47.82		
DPM	12.90	GIẢM	GIẢM		13.00				14.36		
DPR	40.20	TĂNG	TĂNG	40.50	38.30	-0.74%		41.30	35.60	-2.66%	
DQC	16.00	TĂNG	GIẢM	16.20	15.62	-1.23%			17.29		
DRC	24.70	TĂNG	TĂNG	24.10	23.77	2.49%		21.60	21.45	14.35%	
DXG	13.55	GIẢM	GIẢM		14.29				16.12		
EIB	18.00	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	1.12%		18.40	16.46	-2.17%	
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		

We Create Fortune

FMC	25.90	GIẢM	TĂNG		26.74			31.60	25.00	-18.04%	
FPT	57.10	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	0.18%		46.00	54.99	24.13%	
GAS	95.30	TĂNG	GIẢM	97.80	94.48	-2.56%			103.52		
GEX	19.70	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-3.90%			20.84		
GIL	16.60	GIẢM	GIẢM		17.69				19.38		
GMD	21.50	GIẢM	GIẢM		22.32				25.16		
GTN	18.30	GIẢM	GIẢM		19.99				21.72		
GVR	11.30	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-3.42%			N/A		
HAG	4.00	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	3.63%			4.22		
HAX	14.35	GIẢM	GIẢM		15.57				19.51		
HBC	11.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.62	6.54%			12.34		
HCM	21.45	GIẢM	GIẢM		21.67				23.78		
HDB	27.90	TĂNG	GIẢM	27.55	26.74	1.27%			29.24		
HDC	22.00	GIẢM	TĂNG		24.47			15.25	21.08	44.26%	
HDG	29.40	GIẢM	GIẢM		31.13				33.28		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	24.25	TĂNG	TĂNG	24.00	23.29	1.04%		23.85	22.11	1.68%	
HSG	7.94	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	2.45%	
HT1	14.70	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-13.02%	
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.50				2.71		
HVN	32.60	GIẢM	GIẢM		33.92				36.93		
KBC	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.33%		15.35	14.00	-0.33%	
KDH	25.60	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	6.67%	
KSB	15.50	GIẢM	GIẢM		16.61				19.42		
LCG	7.41	GIẢM	GIẢM		7.96				8.76		
LDG	7.78	GIẢM	GIẢM		8.38				10.08		
LHG	15.85	GIẢM	GIẢM		16.19				16.89		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	0.00%			8.05		
MBB	21.30	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MPC	23.90	TĂNG	TĂNG	20.10	22.71	18.91%		24.10	23.55	-0.83%	MUA
MSN	57.00	TĂNG	GIẢM	57.50	53.89	-0.87%			63.22		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	4.17%			16.05		
MWG	114.50	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	0.97%			122.49		
NDN	15.30	GIẢM	GIẢM		16.84			13.70	16.31	19.04%	BÁN
NKG	8.75	TĂNG	TĂNG	7.38	8.20	18.56%		7.11	6.39	23.07%	
NLG	27.05	TĂNG	TĂNG	27.05	27.00	0.00%	MUA	28.70	26.30	-5.75%	
NT2	18.40	GIẢM	GIẢM		20.13				22.16		
NTL	23.00	GIẢM	TĂNG		23.08			24.20	21.14	-4.96%	
NVL	55.00	GIẢM	GIẢM		57.64				60.29		

We Create Fortune

OIL	7.90	GIẢM	GIẢM		8.52				9.54		
PAC	24.80	GIẢM	GIẢM		25.43				27.41		
PC1	17.85	TĂNG	GIẢM	17.85	17.82	0.00%	MUA		19.78		
PDR	24.65	GIẢM	GIẢM		26.21			29.00	25.19	-13.13%	
PHR	38.35	GIẢM	GIẢM		41.49				47.71		
PLX	55.90	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-2.10%			60.01		
PNJ	89.00	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	5.08%		77.07	80.07	15.48%	
POW	11.00	GIẢM	GIẢM		11.52				12.94		
PVT	15.50	GIẢM	GIẢM		16.37			17.53	16.28	-7.15%	BÁN
PPC	25.10	GIẢM	TĂNG		26.85			28.40	24.39	-11.62%	
PTB	67.70	GIẢM	GIẢM		70.27			64.00	68.51	7.04%	BÁN
PVB	17.40	GIẢM	GIẢM		18.45				20.32		
PVD	14.95	GIẢM	GIẢM	15.85	15.11	-4.68%	BÁN		16.61		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.86	-0.93%			33.18		
PVS	18.00	GIẢM	GIẢM	17.80	18.17	2.10%	BÁN		19.30		
PXS	5.70	TĂNG	TĂNG	5.78	5.40	-1.38%		6.20	4.88	-8.06%	
QNS	27.10	GIẢM	GIẢM		27.53				29.44		
REE	35.75	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.25%		33.33	35.23	7.28%	
SAB	233.90	TĂNG	GIẢM	233.50	222.93	0.17%			248.37		
SAM	8.93	TĂNG	TĂNG	8.15	8.62	9.57%		7.40	7.61	20.68%	
SCR	5.33	GIẢM	TĂNG		5.88			6.33	5.26	-15.80%	
SHI	8.99	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	28.61%	
SJS	16.70	TĂNG	TĂNG	17.00	15.99	-1.76%		17.00	14.40	-1.76%	
SKG	11.85	GIẢM	TĂNG		12.85			12.30	11.66	-3.66%	
SSI	18.30	GIẢM	GIẢM		18.51				20.12		
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.50	9.94	-0.95%			10.80		
TCB	22.95	GIẢM	GIẢM		23.62				24.80		
TCM	21.40	TĂNG	GIẢM	20.95	20.08	2.15%			21.83		
TDH	10.10	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-3.81%			11.10		
TLH	4.04	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-0.49%		4.48	3.49	-9.82%	
TNG	15.40	TĂNG	GIẢM	15.10	15.00	1.99%			16.69		
VCB	89.40	GIẢM	TĂNG		90.82			62.00	83.93	44.19%	
VCG	25.60	GIẢM	TĂNG		25.66			19.20	25.28	33.33%	
VCS	65.00	GIẢM	GIẢM		72.44				87.65		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			19.23		
VGT	8.20	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-7.87%			8.95		
VHC	40.00	TĂNG	GIẢM	40.60	38.96	-1.48%			41.92		
VHM	86.30	TĂNG	GIẢM	86.30	86.02	0.00%	MUA		92.59		
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG		17.62			17.70	16.56	-2.26%	



We Create Fortune

VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.59%	
VIP	4.99	GIẢM	GIẢM		5.09				5.29		
VJC	146.50	GIẢM	TĂNG		147.24			124.50	139.40	17.67%	
VND	14.30	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.42%			14.88		
VNG	19.60	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VNM	117.40	GIẢM	GIẢM		120.32				126.45		
VPB	20.60	TĂNG	GIẢM	20.00	20.13	3.00%			21.28		
VPI	42.25	TĂNG	TĂNG	42.45	41.32	-0.47%		41.30	39.78	2.30%	
VRC	9.54	GIẢM	GIẢM		12.12				20.36		
VRE	33.75	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-3.71%	
VSC	27.35	TĂNG	TĂNG	25.45	26.40	7.47%		27.00	24.46	1.30%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.90	GIẢM	TĂNG		22.92			24.00	22.57	-4.58%	
BID	50.10	TĂNG	TĂNG	41.90	47.96	19.57%		33.40	42.78	50.00%	
BSR	7.50	GIẢM	GIẢM		8.34				9.54		
BVH	66.70	GIẢM	GIẢM		69.33				73.44		
CTG	23.20	TĂNG	TĂNG	20.60	22.02	12.62%		23.55	21.78	-1.49%	MUA
FPT	57.10	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	0.18%		40.23	54.99	41.95%	
GAS	95.30	TĂNG	GIẢM	97.80	94.48	-2.56%			103.52		
GEX	19.70	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-3.90%			20.84		
GVR	11.30	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-3.42%			N/A		
HDB	27.90	TĂNG	GIẢM	27.55	26.74	1.27%			29.24		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	24.25	TĂNG	TĂNG	24.00	23.29	1.04%		23.85	22.11	1.68%	
HVN	32.60	GIẢM	GIẢM		33.92				36.93		
KDH	25.60	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	6.67%	
MBB	21.30	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MSN	57.00	TĂNG	GIẢM	57.50	53.89	-0.87%			63.22		
MWG	114.50	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	0.97%			122.49		
NVL	55.00	GIẢM	GIẢM		57.64				60.29		
OIL	7.90	GIẢM	GIẢM		8.52				9.54		
PLX	55.90	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-2.10%			60.01		
PNJ	89.00	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	5.08%		77.07	80.07	15.48%	
POW	11.00	GIẢM	GIẢM		11.52				12.94		

We Create Fortune

QNS	27.10	GIẢM	GIẢM		27.53				29.44		
REE	35.75	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.25%		33.33	35.23	7.28%	
ROS	11.30	GIẢM	GIẢM		15.01				20.44		
SBT	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.10	0.54%		17.50	17.46	6.86%	
SSI	18.30	GIẢM	GIẢM		18.51				20.12		
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.50	9.94	-0.95%			10.80		
TCB	22.95	GIẢM	GIẢM		23.62				24.80		
TPB	21.55	TĂNG	GIẢM	21.55	21.51	0.00%	MUA		23.94		
VCB	89.40	GIẢM	TĂNG		90.82			62.00	83.93	44.19%	
VCG	25.60	GIẢM	TĂNG		25.66			18.44	25.28	38.82%	
VCS	65.00	GIẢM	GIẢM		72.44				87.65		
VEA	44.90	TĂNG	GIẢM	45.50	42.37	-1.32%			59.45		
VGI	22.70	GIẢM	N/A		24.85				N/A		
VHM	86.30	TĂNG	GIẢM	86.30	86.02	0.00%	MUA		92.59		
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG		17.62			15.00	16.56	15.30%	
VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.59%	
VJC	146.50	GIẢM	TĂNG		147.24			124.50	139.40	17.67%	
VNM	117.40	GIẢM	GIẢM		120.32				126.45		
VPB	20.60	TĂNG	GIẢM	20.00	20.13	3.00%			21.28		
VRE	33.75	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-3.71%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.00	GIẢM	GIẢM		12.75				14.25		
ANV	21.40	GIẢM	GIẢM	22.80	21.77	-4.54%	BÁN		24.61		
ASM	6.19	GIẢM	GIẢM		6.84				7.24		
BMI	25.80	TĂNG	TĂNG	25.65	24.39	0.58%		26.70	23.99	-3.37%	
BMP	45.00	GIẢM	GIẢM		46.38				50.95		
BWE	22.40	GIẢM	GIẢM		23.27				24.77		
CEO	8.70	GIẢM	GIẢM		9.33				9.80		
CII	23.75	GIẢM	GIẢM		23.89				24.76		
CRE	24.80	TĂNG	TĂNG	24.20	24.13	2.48%		25.00	23.65	-0.80%	
CTI	21.60	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	-0.92%			23.07		
CTR	40.80	GIẢM	GIẢM		42.55				48.02		
D2D	66.60	GIẢM	GIẢM		72.41			83.10	73.17	-11.95%	BÁN
DBD	53.70	GIẢM	GIẢM		56.69			38.65	54.36	40.64%	BÁN



We Create Fortune

DCM	6.00	GIẢM	GIẢM		6.19			7.00		
DGW	23.65	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	1.72%		24.94		
DHC	36.90	GIẢM	TĂNG		38.32		37.70	36.02	-2.12%	
DIG	12.95	GIẢM	GIẢM		13.89			14.69		
DPG	35.00	GIẢM	GIẢM		39.70			47.82		
DPM	12.90	GIẢM	GIẢM		13.00			14.36		
DRC	24.70	TĂNG	TĂNG	24.10	23.77	2.49%	21.60	21.45	14.35%	
DXG	13.55	GIẢM	GIẢM		14.29			16.12		
E1VFN30	14.70	TĂNG	GIẢM	14.76	14.42	-0.41%		15.42		
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35			11.21		
FLC	4.04	GIẢM	TĂNG		4.67		4.63	4.02	-12.74%	
GEG	26.00	GIẢM	TĂNG		27.19		12.50	25.77	107.96%	
GMD	21.50	GIẢM	GIẢM		22.32			25.16		
GTN	18.30	GIẢM	GIẢM		19.99			21.72		
HAG	4.00	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	3.63%		4.22		
HBC	11.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.62	6.54%		12.34		
HCM	21.45	GIẢM	GIẢM		21.67			23.78		
HDC	22.00	GIẢM	TĂNG		24.47		15.25	21.08	44.26%	
HDG	29.40	GIẢM	GIẢM		31.13			33.28		
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.00%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.94	GIẢM	TĂNG		8.30		7.75	7.30	2.45%	
HT1	14.70	GIẢM	TĂNG		14.96		16.90	13.91	-13.02%	
HTM	21.10	TĂNG	TĂNG	16.00	18.11	31.88%	20.00	18.47	5.50%	MUA
IBC	20.20	GIẢM	GIẢM		20.60			21.22		
IDI	4.95	GIẢM	GIẢM		5.21			5.87		
IJC	15.10	GIẢM	TĂNG		16.02		13.10	14.05	15.27%	
ITA	2.64	GIẢM	GIẢM	2.87	2.65	-7.70%	BÁN	3.09		
KBC	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.33%	14.85	14.00	3.05%	
KDC	19.35	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	-0.77%	20.82	18.08	-7.04%	
KOS	28.50	TĂNG	TĂNG	26.80	27.17	6.34%	26.30	25.30	8.37%	
KSB	15.50	GIẢM	GIẢM		16.61			19.42		
LDG	7.78	GIẢM	GIẢM		8.38			10.08		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	0.00%		8.05		
MBG	15.50	GIẢM	GIẢM		21.00			37.20		
MBS	14.50	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	-1.36%		15.75		
MPC	23.90	TĂNG	TĂNG	20.10	22.71	18.91%	24.10	23.55	-0.83%	MUA
NBB	20.40	GIẢM	GIẢM		20.91			22.02		
NKG	8.75	TĂNG	TĂNG	7.38	8.20	18.56%	7.11	6.39	23.07%	

We Create Fortune

NLG	27.05	TĂNG	TĂNG	27.05	27.00	0.00%	MUA	26.28	26.30	2.93%	
NT2	18.40	GIẢM	GIẢM		20.13				22.16		
NTL	23.00	GIẢM	TĂNG		23.08			24.20	21.14	-4.96%	
NVB	9.20	GIẢM	TĂNG		9.79			8.50	8.62	8.24%	
OGC	3.53	GIẢM	GIẢM		3.67				3.92		
PC1	17.85	TĂNG	GIẢM	17.85	17.82	0.00%	MUA		19.78		
PDR	24.65	GIẢM	GIẢM		26.21			23.59	25.19	6.76%	
PHR	38.35	GIẢM	GIẢM		41.49				47.71		
PPC	25.10	GIẢM	TĂNG		26.85			28.40	24.39	-11.62%	
PTB	67.70	GIẢM	GIẢM		70.27			60.78	68.51	12.71%	BÁN
PVD	14.95	GIẢM	GIẢM	15.85	15.11	-4.68%	BÁN		16.61		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.86	-0.93%			33.18		
PVS	18.00	GIẢM	GIẢM	17.80	18.17	2.10%	BÁN		19.30		
PVT	15.50	GIẢM	GIẢM		16.37			17.31	16.28	-5.94%	BÁN
QCG	3.65	GIẢM	GIẢM		3.89				4.55		
SCR	5.33	GIẢM	TĂNG		5.88			6.33	5.26	-15.80%	
SGP	6.80	GIẢM	GIẢM		7.28				8.96		
SHB	7.20	TĂNG	TĂNG	6.40	6.34	12.50%		7.10	6.72	1.41%	MUA
SHS	7.60	GIẢM	TĂNG		7.81			8.40	7.36	-9.52%	
SZC	15.50	GIẢM	GIẢM		18.09				19.60		
TCH	34.90	TĂNG	TĂNG	30.05	33.11	16.14%		26.15	28.82	33.46%	
TCM	21.40	TĂNG	GIẢM	20.95	20.08	2.15%			21.83		
TDH	10.10	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-3.81%			11.10		
TNG	15.40	TĂNG	GIẢM	15.10	15.00	1.99%			16.69		
TTB	3.85	GIẢM	GIẢM		4.44				7.33		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			19.23		
VGT	8.20	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-7.87%			8.95		
VHC	40.00	TĂNG	GIẢM	40.60	38.96	-1.48%			41.92		
VND	14.30	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.42%			14.88		
VNG	19.60	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VPI	42.25	TĂNG	TĂNG	42.45	41.32	-0.47%		41.30	39.78	2.30%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.80	TĂNG	GIẢM	8.30	8.15	6.02%		9.00	8.97	-0.29%	MUA
AGR	3.25	GIẢM	GIẢM	3.59	3.35	-6.70%	BÁN		3.93		



We Create Fortune

AMD	1.71	GIẢM	GIẢM		2.24			2.66		
APG	9.80	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	11.87%		9.90	8.56	-1.01%
ART	2.30	GIẢM	TĂNG		2.83			2.30	2.12	0.00%
BCG	6.15	GIẢM	GIẢM		7.10				8.95	
C4G	5.90	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98	
C69	6.70	GIẢM	GIẢM		8.47				14.17	
CCL	7.12	GIẢM	TĂNG		8.18			7.88	6.27	-9.64%
CVT	20.20	GIẢM	GIẢM		20.69				22.66	
DAH	8.23	GIẢM	GIẢM		9.77				11.27	
DLG	2.10	TĂNG	TĂNG	1.80	2.09	16.67%		1.71	1.69	22.81%
DRH	3.14	GIẢM	GIẢM		3.64				5.31	
DTD	10.20	GIẢM	GIẢM		11.05				12.54	
EVG	2.50	GIẢM	GIẢM		2.62				2.90	
FIT	9.25	GIẢM	TĂNG		10.05			3.64	8.91	154.12%
FTM	1.97	GIẢM	GIẢM		2.19				3.76	
FUES SV50	12.70	GIẢM	GIẢM		12.73				13.06	
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.83	3.33%		14.90	14.41	4.03%
HAH	11.30	GIẢM	GIẢM		11.72				13.25	
HAI	2.50	GIẢM	GIẢM		3.31				3.93	
HAR	3.13	GIẢM	GIẢM		3.63				4.96	
HDA	9.50	GIẢM	GIẢM		10.07				11.26	
HHP	12.30	TĂNG	GIẢM	12.20	11.66	0.82%			13.13	
HHS	3.02	GIẢM	TĂNG		3.30			3.36	2.97	-10.12%
HID	2.29	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-2.97%		2.63	2.16	-12.93%
HII	9.29	GIẢM	GIẢM		9.56				10.75	
HQC	1.04	GIẢM	GIẢM		1.20			1.16	1.08	-6.84%
HSL	7.44	GIẢM	GIẢM		7.74				8.67	
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.50				2.71	
HVG	8.80	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	12.53%		3.90	6.94	125.64%
HVH	14.55	TĂNG	GIẢM	15.85	13.95	-8.20%			18.30	
IDJ	7.30	TĂNG	TĂNG	6.90	6.53	5.80%		7.20	5.42	1.39%
JVC	3.44	GIẢM	GIẢM		3.66				4.21	
KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.78			1.50	1.33	-6.67%
LCG	7.41	GIẢM	GIẢM		7.96				8.76	
LGL	7.60	GIẢM	GIẢM		8.25				8.86	
LHG	15.85	GIẢM	GIẢM		16.19				16.89	
LMH	4.81	GIẢM	GIẢM		6.20				10.81	
MST	5.30	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	55.88%



We Create Fortune

NDN	15.30	GIẢM	GIẢM		16.84			13.10	16.31	24.46%	BÁN
PHC	10.75	GIẢM	GIẢM	11.30	11.41	1.00%	BÁN		11.99		
PLP	9.60	GIẢM	GIẢM		10.10				11.14		
PVB	17.40	GIẢM	GIẢM		18.45				20.32		
PVC	6.70	TĂNG	TĂNG	7.00	6.69	-4.29%		6.70	6.66	0.00%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.32				1.45		
PXL	7.70	GIẢM	TĂNG	8.40	7.88	-6.23%	BÁN	6.70	6.64	14.93%	
SHI	8.99	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	55.94%	
SJF	1.80	GIẢM	GIẢM		2.05				2.63		
SPP	1.80	GIẢM	GIẢM		2.09				2.60		
TDC	8.65	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-1.14%			9.04		
TIG	6.10	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.54	90.63%	
TLH	4.04	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-0.49%		4.48	3.49	-9.82%	
TNA	19.00	GIẢM	GIẢM		21.31				24.95		
TNI	10.10	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-7.34%	
TSC	2.75	GIẢM	GIẢM		3.11				3.45		
TTF	2.55	GIẢM	GIẢM		2.74				3.03		
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.63				2.93		
TVC	20.40	TĂNG	TĂNG	16.90	18.72	20.71%		14.30	15.80	42.66%	
VC3	17.20	TĂNG	TĂNG	17.00	16.65	1.18%		22.00	16.32	-21.82%	
VCR	10.10	GIẢM	GIẢM		11.71				16.37		
VNA	2.70	GIẢM	GIẢM		3.30				4.40		
VNE	3.67	GIẢM	GIẢM		3.78				3.70		
VRC	9.54	GIẢM	GIẢM		12.12				20.36		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	965.84	-0.42%	HNI	102.3	0.08%	UPCoM	55.64	0.16%
VN30	881.79	-0.42%	HN30	179.71	-0.44%			
VN Mid	920.15	-0.25%	VNX	845.16	-0.31%			
VN Small	746.2	-0.66%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	0		Mua	0.97		Mua	17.71	
Bán	0		Bán	4.10		Bán	20.73	
GT rỗng	0		GT rỗng	-3.13		GT rỗng	-3.03	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FIR	1737	5.78%	TVC	400	2.00%	VSF	800	7.92%
SCS	5800	4.64%	SHB	100	1.41%	VTR	3400	6.85%
NLG	750	2.85%	ACB	200	0.88%	HTM	1300	6.57%
KSB	400	2.65%	DGC	100	0.42%	VIB	300	1.76%
TVB	350	2.57%	HHC	0	0.00%	ACV	900	1.27%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	-850	-7.00%	L14	-3700	-6.17%	PXL	-300	-3.75%
SMB	-2500	-6.98%	TIG	-300	-4.69%	BSR	-200	-2.60%
TRC	-2250	-6.83%	HUT	-100	-4.35%	MPC	-400	-1.65%
DLG	-150	-6.67%	CEO	-200	-2.25%	CTR	-400	-0.97%
SZC	-650	-4.02%	PVS	-400	-2.17%	LPB	0	0.00%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,641		ACB	37,934		ACV	154,872	
VCB	331,574		VCG	11,308		VEA	59,670	
VHM	283,885		VCS	10,400		MCH	49,400	
VNM	204,438		SHB	8,662		GVR	44,980	
BID	201,503		PVS	8,603		BCM	29,191	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
DLG	12,821,760	10,447,989	SHB	6,838,680	3,400,122	VSF	20,849,064	2,238
FLC	6,896,010	10,066,373	NVB	2,708,300	1,387,763	BSR	2,759,130	1,648,969
CTG	5,347,470	3,644,090	KLF	2,643,641	3,100,967	EPC	1,500,000	0
VPB	4,495,670	1,780,549	PVS	2,144,812	1,689,654	TRT	1,478,492	9
HPG	4,456,520	5,396,903	ACB	1,523,357	1,217,378	VIB	527,921	333,700

Nguồn: Bloomberg & YSVN

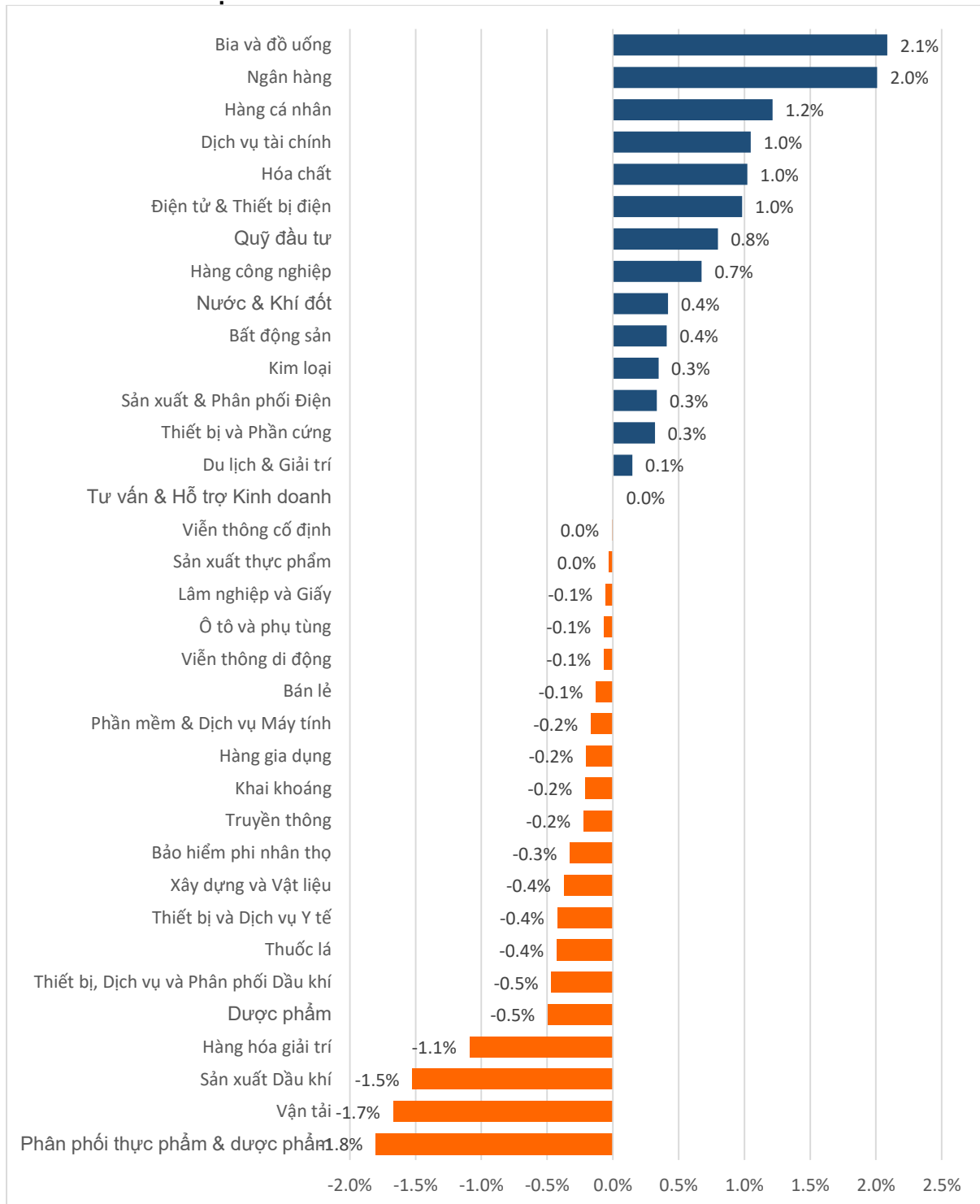
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



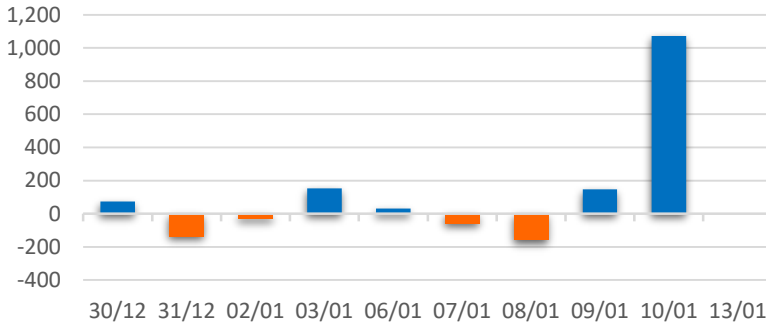
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

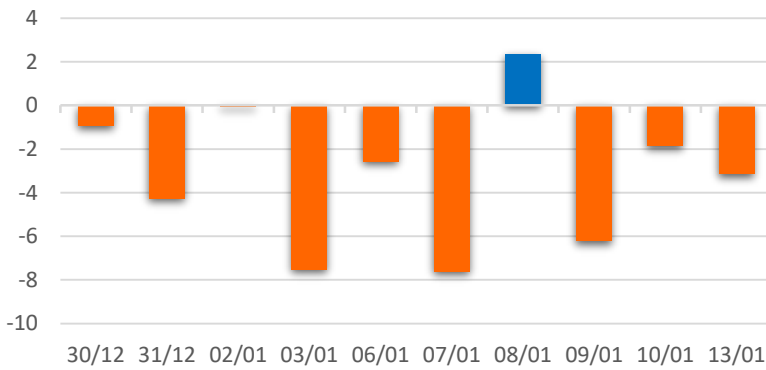
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	23,618	NLG	23,218
E1VFN30	21,972	CTG	9,237
VHM	15,731	VNM	5,928
MSN	11,492	PVD	2,488
VIC	7,898	ANV	1,674

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

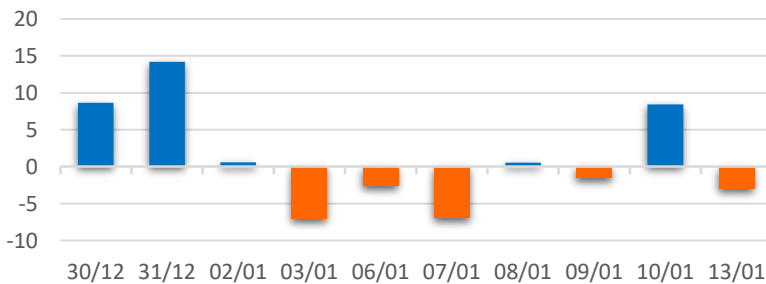
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
NBC	136	PVS	1,932
SHS	109	VCG	760
BVS	100	SCI	295
VCS	99	WCS	214
SHB	87	TTZ	170

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	1,014	BSR	5,901
QNS	911	MCH	136
LTG	205	ACV	45
TTD	196	GVR	44
BCM	191	IFS	13

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



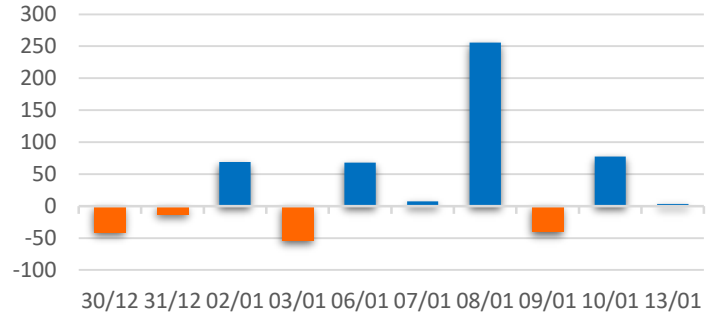
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

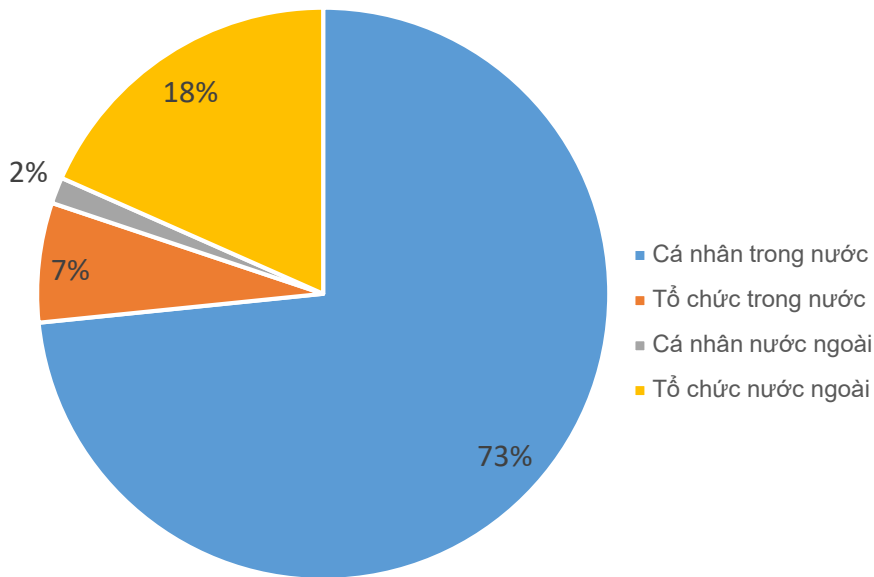
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
NLG	23,218	E1VFN30	22,559
FPT	3,312	MBB	3,032
MBB	2,702	VNM	2,664
VHM	2,469	FPT	2,478
POW	2,209	REE	1,631

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

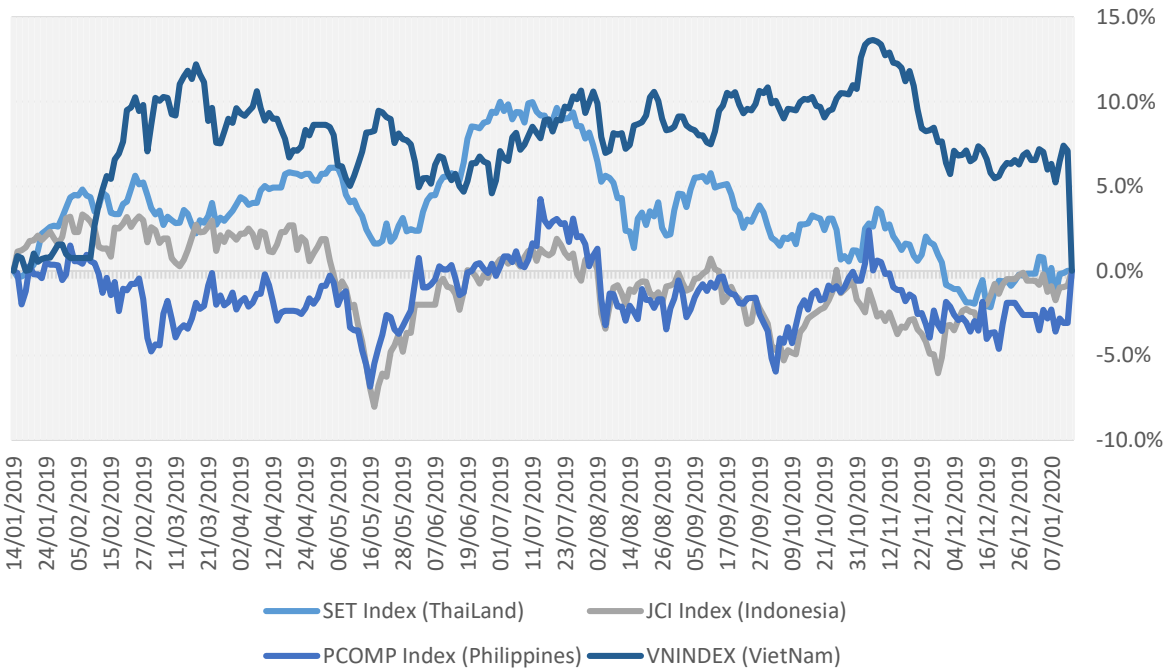


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

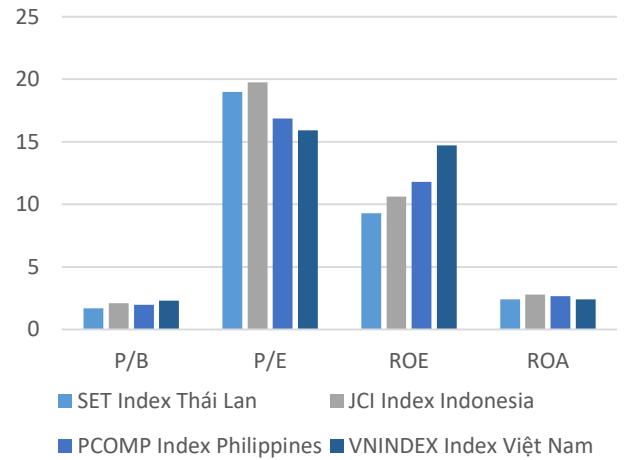
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		19.0x	19.7x	16.9x	15.9x
ROE	%	9.28	10.61	11.79	14.70
ROA	%	2.41	2.80	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	553.14	530.83	191.42	142.92
GTGD	Triệu USD	1.45	0.37	0.09	0.13
LS cổ tức	%	3.25	2.42	1.61	2.04

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Qué**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written